

Số: 4424/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;  
thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế Quảng Ninh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2441 /TTr-SYT ngày 17 tháng 10 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế Quảng Ninh (có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Giám đốc Sở Y tế căn cứ danh mục, nội dung thủ tục hành chính đã được công bố, chỉ đạo xây dựng và phê duyệt trình tự giải quyết thủ tục hành chính chi tiết đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 để tin học hóa việc giải quyết thủ tục hành chính.

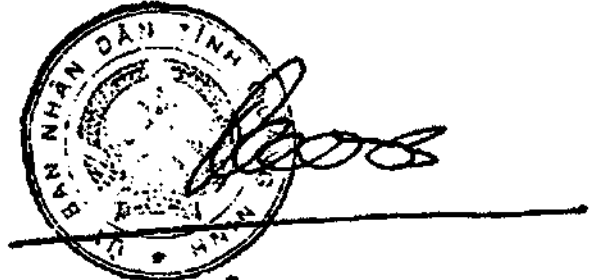
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ một số danh mục và nội dung các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế được công bố tại Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 và Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh (Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo).

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Hành chính công Tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Cục KSTTHC, Văn phòng CP (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- V0, V3, VX3, KSTT1-4;
- Bưu điện tỉnh, Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, KSTT4.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Long**

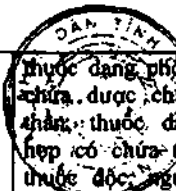
**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4424/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh)*



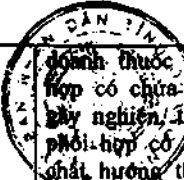
TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả
<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ</b> <i>( 23 thủ tục hành chính)</i>							
<b>I Lĩnh vực Dược và mỹ phẩm ( 16 TTHC)</b>							
1	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	25	- Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long).	- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP: 1.000.000 VNĐ/cơ sở. - Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP đối với các cơ sở bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 VNĐ/cơ sở	- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;	có	có
2	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất, thuốc phóng xạ	25		- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP: 1.000.000 VNĐ/cơ sở. - Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP đối với các cơ sở bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó	- Thông tư 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.	có	có

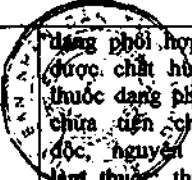


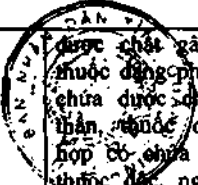
				khăn, miến núi, hải đảo: 500.000 VNĐ/cơ sở	- Thông tư 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm		
3	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa được chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa được chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, được chất trong danh mục thuốc, được chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.	25	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long).	- Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP: 1.000.000 VNĐ/cơ sở. - Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn bán lẻ thuốc GPP đối với các cơ sở bán lẻ tại cơ sở các địa bàn thuộc vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 VNĐ/cơ sở		có	có
4	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt bán lẻ thuốc đối với cơ sở có kinh doanh thuốc chất gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất	25		Không	- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính Phủ Quy định điều Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược; - Thông tư 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của	có	có
5	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc (cơ sở bán lẻ thuốc) dạng phối hợp có chứa được chất gây nghiện,	25				có	có



	Thuộc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần; thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực				Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tổ cơ sở bán lẻ thuốc.		
6	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT	10		Không		có	có
7	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	25	Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long).	Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4000.000 VNĐ/cơ sở	- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược; - Thông tư 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế	có	có
8	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất	25		Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4000.000 VNĐ/cơ sở		có	có
9	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc có kinh	25		Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4000.000 VNĐ/cơ sở		có	có

	 <p>doanh thuốc dạng phối hợp có chứa được chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa được chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.</p>				<p>quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. - Thông tư 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm</p>		
10	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	25	Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long).	Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4000.000 VNĐ/cơ sở		có	có
11	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất không vì mục đích thương mại.	25		Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4000.000 VNĐ/cơ sở		có	có
12	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc dạng phối hợp có chứa được chất gây nghiện, thuốc	25		Phí thẩm định, điều kiện tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP: 4000.000 VNĐ/cơ sở	<p>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. -Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày</p>		có


	 <p>đang phối hợp có chứa được, chất hương thân, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuốc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực, không vì mục đích thương mại</p>				<p>08/5/2017 của Chính Phủ Quy định điều Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;</p> <p>- Thông tư 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.</p> <p>- Thông tư 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm</p>		
13	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất.	25	Trung tâm Hành chính công tính (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long).	Không	<p>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016.</p> <p>-Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính Phủ Quy định điều Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;</p> <p>- Thông tư 02/2018/TT-BYT</p>	có	có
14	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa	25				có	có

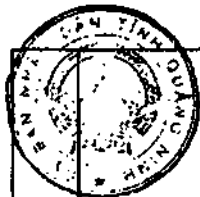
	 <p>được chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuốc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực</p>				ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.		
15	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	10				có	có
16	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kế thuốc	03	Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long).	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016,</li> <li>-Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính Phủ Quy định điều Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;</li> <li>- Thông tư 07/2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 Quy</li> </ul>	có	có





					định chi tiết một số điều về kinh doanh dược của Luật dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược		
<b>II Lĩnh vực Giám định y khoa ( 04 TTHC)</b>							
1	Công nhân cơ sở đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý	75	- Trung tâm Hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long).	Phi thăm định: 10.500.000 đồng/lần	- Nghị định 88/2008/NĐ-CP ngày 5/8/2008 về xác định lại giới tính - Thông tư 29/2010/TT-BYT ngày 24/5/2010 của Bộ y tế về Hướng dẫn thi hành một số Điều	có	có
2	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người chưa đủ 16 tuổi	15	Cơ sở khám chữa bệnh	Theo mức phí thu viện phí hiện hành	Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính	không	không
3	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 18 tuổi trở lên.	15			không	không	

	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.	15				không	không
<b>III Lĩnh vực Y tế dự phòng (03 TTHC)</b>							
1	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	Ngay sau khi tiếp nhận đủ đơn và tài liệu minh chứng đã tiêm vắc xin phòng bệnh	Tại cơ quan kiểm dịch y tế tại các cửa khẩu trong tỉnh	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập: 1. Tiêm chủng vắc xin Sốt vàng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế: 08 USD/lần. 2. Tiêm chủng (gồm vắc xin đường uống, đường tiêm), áp dụng biện pháp dự phòng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng (gồm lần đầu, tái chủng, theo lịch, kiểm tra cấp lại chứng nhận tiêm chủng quốc tế): 85.000 đồng/lần.	- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới	không	không
2	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	- Không quá 01 giờ đối với phương tiện đường bộ, đường hàng không; - 02 giờ đối với		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập: 1. Kiểm dịch y tế phương tiện xuất, nhập, quá cảnh 1. Kiểm tra y tế và cấp Giấy chứng nhận miễn xử lý/xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại): 130USD/lần/tàu 2. Kiểm tra y tế và Gia hạn hoặc cấp lại Giấy chứng nhận miễn xử lý/xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại): 65USD/lần/tàu 3. - Tàu biển trọng tải dưới 10.000 GRT: 95USD/lần/tàu ;	- Luật số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	không	không



phương  
tiện  
đường  
sắt,  
đường  
thủy.

- Tàu biển trọng tải từ 10.000 GRT trở lên: 110USD/lần/tàu;
- 4. - Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải dưới 5000 GRT: 26USD/lần/tàu;
- Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải từ 5000 GRT trở lên: 39USD/lần/tàu;
- Tàu thuyền chở khách dưới 150 chỗ ngồi: 18 USD/lần/tàu;
- Tàu thuyền chở khách từ 150 chỗ ngồi trở lên: 75 USD/lần/tàu;
- 5. Tàu bay các loại: 25 USD/tàu
- 6. Tàu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa): 50.000 đồng/toa;
- 7. Phương tiện thủy các loại (gồm tàu thuyền chở hàng hóa, chở người, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy) qua lại biên giới: 35.000 đồng/lần/ phương tiện;
- 8. Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng từ 5 tấn trở lên: 35.000 đồng/lần/xe;
- 9. Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng dưới 5 tấn: 25.000 đồng/lần/xe.
- II. Diệt chuột:
- 10. Diệt chuột bằng xông hơi hóa chất: 0,90 USD/m<sup>2</sup> không tàu
- III. Diệt côn trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)
- 11. - Tàu bay chở người dưới 300 chỗ ngồi: 45 USD/tàu bay;
- Tàu bay chở người từ 300 chỗ ngồi trở lên: 65 USD/tàu bay;
- 12. Tàu bay chở hàng hóa các loại: 35 USD/tàu bay;
- 13. Phương tiện đường bộ các loại tải



trọng từ 5 tấn trở lên (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác): 65.000 đồng/Phương tiện;  
14. Phương tiện đường bộ các loại tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác): 21.000 đồng/Phương tiện;  
15. Tàu hỏa (Đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa): 130.000 đồng/toa;  
16. Tàu biển các loại: 0,42 USD/m<sup>3</sup>không tàu  
17. Tàu thuyền các loại (gồm tàu chở người, chở hàng, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy): 35.000 đồng/Phương tiện;  
18. Kho hàng: 0,14 USD/m<sup>3</sup>kho hàng;  
19. Container 40 fit: 28 USD/container;  
20. Container 20 fit : 14 USD/container;  
IV. Khử trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)  
21. - Khử trùng nước dẫn tàu với Tàu thuyền đang chứa dưới 1000 tấn: 40 USD/tàu  
- Khử trùng nước dẫn tàu với Tàu thuyền đang chứa từ 1000 tấn trở lên: 65USD/tàu  
22. Tàu thuyền các loại: 0,5 USD/m<sup>2</sup>diện tích khử trùng;  
23. Tàu bay các loại: 0,5 USD/m<sup>2</sup>diện tích khử trùng;  
24. Kho hàng, container các loại: 0,4 USD/m<sup>2</sup>diện tích khử trùng;  
25. Tàu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa): 70.000 đồng/toa;  
26. Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng trên 30 tấn: 55.000 đồng/phương tiện;  
27. Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng từ 5 tấn đến 30



				<p>tân (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác): 40.000 đồng/phương tiện;          28. Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác): 25.000 đồng/phương tiện;</p>		
3	<p>Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với hàng hóa</p>	<p>Trong thời gian 03 giờ (nếu phải xử lý y tế thời gian có thể kéo dài hơn )</p>		<p>Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập:</p> <p>I. Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua đường hàng không, đường thủy, đường sắt, đường bưu điện: <i>(Theo lô, toa, kiện)</i></p> <p>1. Kiểm tra y tế Lô hàng dưới 10 kg: 1,4 USD/ lần kiểm tra;          2. Kiểm tra y tế Lô hàng từ 10 kg đến 50 kg: 4 USD/ lần kiểm tra;          3. Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 50 kg đến 100 kg: 6 USD/ lần kiểm tra;          4. Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 100 kg đến 1 tấn: 13 USD/ lần kiểm tra;          5. Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 1 tấn đến 10 tấn: 39 USD/ lần kiểm tra;          6. Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 10 tấn đến 100 tấn: 90 USD/ lần kiểm tra;          7. Kiểm tra y tế Lô hàng trên 100 tấn: 100 USD/ lần kiểm tra;</p> <p>II. Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ: <i>(Theo kiện, xe, hàng hóa rời, khuôn, vác)</i></p> <p>1. Dưới 5 tấn: 35.000 đồng/lần kiểm tra;          2. Từ 5 tấn đến 10 tấn: 50.000 đồng/lần kiểm tra;          3. Từ trên 10 tấn đến 15 tấn: 60.000</p>	không	không




			<p>đồng/lần kiểm tra; 4. Từ trên 15 tấn đến 30 tấn: 75.000 đồng/lần kiểm tra; 5. Từ trên 30 tấn đến 60 tấn: 80.000 đồng/lần kiểm tra; 6. Từ trên 60 tấn đến 100 tấn: 110.000 đồng/lần kiểm tra; 7. Từ trên 100 tấn: 140.000 đồng/lần kiểm tra; 8. Lô/kiện dưới 10kg : 7.000 đồng/lần kiểm tra; 9. Lô/kiện từ 10kg đến 100kg: 15.000 đồng/lần kiểm tra; 10. Lô/kiện trên 100kg: 20.000 đồng/lần kiểm tra;</p>			
--	--	--	--	--	--	--

\* Nội dung các thủ tục hành chính được thực hiện theo các Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ Y tế; Quyết định số 5229/QĐ-BYT ngày 29/8/2018 của Bộ Y tế.




**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4A24/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trà kết quả
<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ</b> <i>(04 thủ tục hành chính)</i>							
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Khám chữa bệnh (02 TTTC)</b>						
1	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I nhưng mắc một số bệnh quy định tại Phụ lục II	1. 01 ngày đối với KSK thuyền viên đơn lẻ. 2. Thỏa thuận hợp đồng đối với KSK thuyền viên tập thể	Các cơ sở khám chữa bệnh	Theo mức phí thu viện phí hiện hành	Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế	không	không
2	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cho	08 ngày	- Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của	không	không

	 <p>các đối tượng; KSK khi tuyển dụng, làm việc, học tập và các đối tượng khác; KSK người lái xe ... (theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016)</p>		(Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long).		<p>Chính phủ. - Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về Hướng dẫn khám sức khỏe. - Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT- BGTVT ngày 21/8/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải - Thông tư số 12/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ Y tế - Thông tư số 17/2018/TT-BYT ngày 06/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế về việc Quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở KSK cho thuyền viên. - Quyết định số 5921/QĐ-BYT ngày 28/9/2018 của Bộ Y tế</p>		
II	Lĩnh vực Y tế Dự phòng ( 02 TTHC)						



1	 <p>Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với thi thể, hải cốt, tro cốt</p>	<p>Trong thời gian 01 giờ ( nếu phải xử lý y tế thời gian có thể kéo dài hơn )</p>	<p>Tại cơ quan kiểm dịch y tế tại các cửa khẩu trong tỉnh</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kiểm tra y tế đối với thi thể: 20 USD/lần kiểm tra;</li> <li>2. Kiểm tra y tế đối với hải cốt: 7 USD/lần kiểm tra;</li> <li>3. Kiểm tra y tế đối với tro cốt: 5 USD/lần kiểm tra;</li> <li>4. Xử lý vệ sinh thi thể: 40 USD/lần xử lý;</li> <li>5. Xử lý vệ sinh hải cốt: 14 USD/lần xử lý;</li> </ol>	<p>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới - Thông tư số 240/2016/TT-B</p>	<p>không</p>	<p>không</p>
2	<p>Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người</p>	<p>Trong thời gian 01 giờ ( nếu phải xử lý y tế thời gian có thể kéo dài hơn )</p>		<p>Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập:</p> <p>- Kiểm tra y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người: 6,5 USD/lần kiểm tra /kiện, lô mẫu, sản phẩm, mô, bộ phận</p>	<p>TC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập</p>	<p>không</p>	<p>không</p>

\* Nội dung thủ tục hành chính được thực hiện theo các Quyết định số 5921/QĐ-BYT ngày 28/9/2018 của Bộ Y tế; Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ Y tế;



**Phụ lục III**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÀI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ**

*(Bãi bỏ kèm theo Quyết định số: 4424/QĐ-UBND ngày 31/ 10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ ( 01 TTHC)</b>				
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Y tế Dự phòng và môi trường (01 TTHC)</b>			
1	T-QNH-287914-TT	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm tra và xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải	Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.	